

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2021/DSST.
Ngày: 23/9/2021
“*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Tám và bà Cần Thị Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại Phòng xử án TAND huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 117/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 103/2021/TB-TA ngày 23 tháng 7 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số 159/2021/TB-TA ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Trụ sở chính: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn Th – Phó phòng giao dịch tiềm năng M (Phụ trách kinh doanh); địa chỉ: 61 T, TT M, huyện M, tỉnh Đắk Nông; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Th, sinh năm 1950 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn Đắk Sơn 1, xã Đắk Mol, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy L khai; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Thân trình bày:

Ngày 23/01/2019, ngân hàng TMCP S và ông Trần Th, bà Phạm Thị L đã ký kết hợp đồng tín dụng số LD1902300656 với nội dung S cho ông Th, bà L vay số tiền 550.000.000 đồng; mục đích vay sản xuất nông nghiệp; lãi suất 03 tháng đầu tiên 12,8%/năm; thời hạn cho vay 60 tháng; phương thức trả nợ gốc, lãi trong 05 kỳ, ngày

23/01/2020 trả 10.000.000 đồng và lãi phát sinh; ngày 23/01/2021 trả 10.000.000 đồng và lãi phát sinh; ngày 23/01/2022 trả 120.000.000 đồng và lãi phát sinh; ngày 23/01/2023 trả 150.000.000 đồng và lãi phát sinh; ngày 23/01/2024 trả 260.000.000 đồng và lãi phát sinh. Các bên đã ký kết Hợp đồng số 230/18 ngày 19/01/2018 để bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H 115390, do UBND huyện M cấp ngày 17/02/1996 cho ông Trần Th và bà Phạm Thị L, tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, được công chứng tại văn phòng công chứng V, đăng ký thế chấp tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đ ngày; văn bản thỏa Th sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/230/18/TC ngày 23/01/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Th, bà L đã thanh toán 112.000.000 đồng nợ gốc và 72.492.016 đồng nợ lãi. Đến kỳ trả nợ tiếp theo ông Th, bà L không trả nợ gốc, lãi phát sinh như cam kết nên ngày 22/02/2021 toàn bộ số tiền vay của ông Th và bà L đã chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và làm việc bằng văn bản để thông báo trả nợ nhưng ông Th và bà L không trả nợ theo thỏa Th. Do đó Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông Trần Th và bà Phạm Thị L có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LD1902300656 tính đến ngày 23/9/2021 là 532.341.955 đồng, trong đó gốc 438.000.000 đồng; lãi trong hạn 90.628.759 đồng, lãi quá hạn 3.713.196 đồng. Tiếp tục tính lãi, lãi phạt theo quy định tại hợp đồng tín dụng số LD1902300656 kể từ ngày 24/9/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp ông Th và bà L không trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản vay còn nợ. Sau khi xử lý hết tài sản bảo đảm mà vẫn không trả hết nợ, ông Th và bà L có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ.

Tại bản tự khai, biên bản ghi L khai, bị đơn bà Phạm Thị L trình bày: Bà L thừa nhận toàn bộ trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, thừa nhận hiện nay còn nợ số tiền gốc 438.000.000 đồng đã quá hạn và lãi phát sinh. Tuy nhiên, hiện nay gia đình bà L đang gặp rất nhiều khó khăn, việc đầu tư rẫy tiêu, cà phê không Th lợi nên không thể trả nợ được. Bà L xin được trả dần số nợ trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về phần tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành hòa giải đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn

mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên HĐXX xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Th và bà Phạm Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LD1902300656 và giấy nhận nợ số 01/LD1902300656 ngày 23/01/2019 là 532.341.955 đồng, trong đó gốc 438.000.000 đồng; lãi trong hạn 90.628.759 đồng, lãi quá hạn 3.713.196 đồng. Tiếp tục tính lãi quá hạn, lãi phạt theo quy định tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/9/2021 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp ông Th và bà L không trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản vay còn nợ. Sau khi xử lý hết tài sản bảo đảm mà vẫn không trả hết nợ, ông Th và bà L có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần Th, bà Phạm Thị L cư trú tại: Thôn S 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết; do đó quan hệ tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Trần Th và bà Phạm Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó HĐXX xét xử vắng mặt là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và các tài liệu khác có liên quan do nguyên đơn cung cấp, trình bày của đương sự thể hiện: Ngày 23/01/2019, ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đắk Nông, phòng giao dịch M cho ông Trần Th, bà Phạm Thị L vay số tiền 550.000.000 đồng; mục đích vay sản xuất nông nghiệp; lãi suất 03 tháng đầu tiên 12,8%/năm; thời hạn cho vay 60 tháng; phương thức trả nợ gốc, lãi trong 05 kỳ, ngày 23/01/2020 trả 10.000.000 đồng và lãi phát sinh; ngày 23/01/2021 trả 10.000.000 đồng và lãi phát sinh; ngày 23/01/2022 trả 120.000.000 đồng và lãi phát sinh; ngày 23/01/2023 trả 150.000.000 đồng và lãi phát sinh; ngày 23/01/2024 trả 260.000.000 đồng và lãi phát sinh. Xét hợp đồng tín dụng có chữ ký của ông Th, bà L là sự thỏa Th của các bên, nội dung, hình thức, mục đích của hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Như vậy ông Th, bà L ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng TMCP S là hợp pháp.

Về nghĩa vụ trả nợ: Đây là hợp đồng tín dụng trả góp, thời hạn vay 60 tháng, quá trình thực hiện hợp đồng ông Th và bà L không trả nợ gốc, lãi khi đến đúng hạn.

Do đó, ngân hàng chuyển toàn bộ số tiền vay sang nợ quá hạn là phù hợp với thỏa Th tại hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 23/9/2021 ông Th, bà L còn nợ số tiền 532.341.955 đồng, trong đó gốc 438.000.000 đồng; lãi trong hạn 90.628.759 đồng, lãi quá hạn 3.713.196 đồng. Do đó, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về việc buộc ông Th và bà L trả nợ. Ông Th và bà L phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất thỏa Th trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/9/2021 cho đến khi thanh toán xong là phù hợp thỏa Th tại hợp đồng và bộ luật dân sự.

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất do nguyên đơn cung cấp: Bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H 115390 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 17/02/1996 cho ông Trần Th và bà Phạm Thị L đã được công chứng và đăng ký thế chấp. Kết quả xem xét thẩm định tài sản thể hiện tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng của ông Th, bà L, thực tế sử dụng đất phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền cấp. Do đó hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định tại các Điều 102, 212, 502 của Bộ luật dân sự; Điều 167 của Luật đất đai. Vì vậy ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án huyện Đ xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Sau khi xử lý hết tài sản bảo đảm mà vẫn không trả hết nợ, ông Th, bà L có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ.

Xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên HĐXX cần chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tài sản: Bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tài sản 3.000.000 đồng theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 25.293.700 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, hiện nay ông Trần Th 71 tuổi, bà Phạm Thị L 69 tuổi, là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 102, Điều 212, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 và Điều 512 của Bộ luật dân sự; Điều 167 của Luật đất đai; Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Trần Th và bà Phạm Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 23/9/2021) là 532.341.955 đồng, trong đó gốc 438.000.000 đồng; lãi trong hạn 90.628.759 đồng, lãi quá hạn 3.713.196 đồng.

Tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa Th trong hợp đồng tín dụng số LD1902300656 ngày 23/01/2019 kể từ ngày 24/9/2021 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp ông Trần Th và bà Phạm Thị L không trả nợ thì Ngân hàng TMCP Sđược quyền yêu cầu cơ quan thi hành án huyện Đắk Song xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 230/18/TC ngày 19/01/2018, văn bản thỏa Th sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/230/18/TC ngày 23/01/2019 giữa ngân hàng TMCP S- Chi nhánh Đắk Nông, Phòng giao dịch M với ông Trần Th và bà Phạm Thị L để thu hồi nợ.

Sau khi xử lý hết tài sản bảo đảm mà vẫn không trả hết nợ, ông Th và bà L có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tài sản: Bị đơn phải chịu 3.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng nên bị đơn phải trả cho nguyên đơn 3.000.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Trần Th và bà Phạm Thị L được miễn nộp 25.293.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP S số tiền 12.000.0000 đ (*Mười hai triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005243 ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- CCTHDS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Trúc Linh

CÁC HỘI THẨM

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA